

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



*Handwritten red text on the right margin, partially obscured.*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thúy Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trương Xuân Cảnh	Giám đốc điều hành
Bà Mai Thị Thanh Hà	Phó Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

13051  
CỔ  
RÁCH M  
KIỂM  
VII  
CH  
HÀ  
3 BAI

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trương Xuân Cảnh**  
Giám đốc điều hành

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

#### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Mai Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



**Mai Văn Bình**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Số: 52 /2015/BCTC-VAHP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/3/2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.5 và 6, tại đó mô tả việc Công ty phản ánh một số khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên khoản mục đầu tư ngắn hạn của Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Các vấn đề khác

Như trình bày tại thuyết minh số 27, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2014/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 08/4/2014 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định mua từ 150.000 đến 200.000 cổ phiếu quỹ bằng nguồn vốn tự có của Công ty. Thời gian thực hiện từ 20/4/2014 đến 25/4/2015.

Như trình bày tại thuyết minh số 27, Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 26/12/2014 thông qua việc từ ngày 01/01/2015, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng sản xuất tại Lô 89, Đường số 6, KCN Sóng Thần, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.



**Vũ Thị Hương Giang**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0388-2013-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2015*

**Vũ Hoài Nam**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1436-2013-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu số B 01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>16.605.755.661</b>	<b>17.178.779.116</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>641.835.707</b>	<b>4.305.645.140</b>
1. Tiền	111		641.835.707	360.645.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.945.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>06</b>	<b>13.639.270.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.639.270.000	9.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.398.505.495</b>	<b>3.005.767.954</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.231.460.000	1.887.468.329
2. Trả trước cho người bán	132		2.084.389	26.284.389
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>07</b>	164.961.106	1.092.015.236
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>926.144.459</b>	<b>676.094.709</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>08</b>	926.144.459	676.094.709
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>191.271.313</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	191.271.313
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>12.396.355.694</b>	<b>12.730.471.174</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.352.728</b>	<b>142.268.875</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>09</b>	10.352.728	142.268.875
- Nguyên giá	222		1.622.702.000	12.439.396.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.612.349.272)	(12.297.127.379)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>3.386.002.966</b>	<b>3.588.202.299</b>
- Nguyên giá	241		6.228.624.011	6.228.624.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.842.621.045)	(2.640.421.712)
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>11</b>	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>12</b>	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>29.002.111.355</b>	<b>29.909.250.290</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>5.249.986.450</b>	<b>9.032.054.450</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.249.986.450</b>	<b>9.032.054.450</b>
2. Phải trả người bán	312		2.392.109.945	6.270.040.724
3. Người mua trả tiền trước	313		2.024.367.100	2.024.384.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	629.322.413	378.376.761
5. Phải trả người lao động	315		9.704.400	57.140.389
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	(13.191.001)	7.938.283
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		207.673.593	294.173.593
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>23.752.124.905</b>	<b>20.877.195.840</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>23.752.124.905</b>	<b>20.877.195.840</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	15.350.000.000	15.350.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	15	(1.499.786.780)	(1.499.786.780)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	3.118.387.088	3.832.537.088
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	15	1.001.179.071	1.001.179.071
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	5.782.345.526	2.193.266.461
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>29.002.111.355</b>	<b>29.909.250.290</b>

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Mai Thị Thanh Hà

Giám đốc điều hành



Trương Xuân Cảnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2014

Mẫu số B 02 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	8.152.966.482	15.938.913.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.152.966.482	15.938.913.205
4. Giá vốn hàng bán	11	17	5.048.053.293	13.675.462.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.104.913.189	2.263.450.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.240.888.880	1.508.777.909
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		131.769.000	187.204.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		502.996.738	627.874.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.711.036.331	2.957.149.837
11. Thu nhập khác	31	19	3.569.000.000	8.203.411
12. Chi phí khác	32	19	2.500.000	37.449.611
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	19	3.566.500.000	(29.246.200)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.277.536.331	2.927.903.637
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	1.456.007.266	734.637.176
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.821.529.065	2.193.266.461
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	4.076	1.536

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Mai Thị Thanh Hà

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Giám đốc điều hành



Trương Xuân Cảnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2014

Mẫu số B 03 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	2	3	4	5
<b>I. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.277.536.331</b>	<b>2.927.903.637</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02	<b>09,10</b>	334.115.480	339.100.131
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	<b>18,19</b>	(4.809.888.880)	(1.508.777.909)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.801.762.931</b>	<b>1.758.225.859</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		889.485.605	9.428.036.588
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(250.049.750)	4.815.912.552
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.167.022.717)	471.831.463
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.272.052.549)	(588.434.228)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(2.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.002.123.520</b>	<b>13.885.572.234</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		680.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.482.759.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		15.843.489.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.149.937.047	1.508.777.909
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.809.332.953)</b>	<b>(14.491.222.091)</b>
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.856.600.000)	(2.142.236.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.856.600.000)</b>	<b>(2.142.236.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.663.809.433)</b>	<b>(2.747.886.107)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>05</b>	<b>4.305.645.140</b>	<b>7.053.531.247</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>05</b>	<b>641.835.707</b>	<b>4.305.645.140</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2014.

**Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (mã số 22) không bao gồm khoản bù trừ với công nợ phải trả người bán, số tiền 2.889.000.000 VND. Do vậy, khoản này đã được điều chỉnh tương ứng vào chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả (mã số 11).

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Mai Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hà

Giám đốc điều hành



Trương Xuân Cảnh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### *Hình thức sở hữu vốn*

Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 ngày 24/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần nhất ngày 14/7/2003, lần thứ hai ngày 05/10/2004, lần thứ ba ngày 18/01/2006, lần thứ tư ngày 06/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ: 15.350.000.000 VND, mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

#### *Ngành nghề kinh doanh*

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 89, Đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần I, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

#### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

### 4.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hàng quý theo phương pháp giản đơn.

### 4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	02 - 04
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### 4.4 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Đất	43

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 12 tháng. Trong đó, một số khoản có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, giá trị là 600 triệu VND.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh và Công ty TNHH MTV AAB được ghi nhận gốc và lãi theo thoả thuận trong hợp đồng cho vay phù hợp với các quy định hiện hành.

### 4.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Cổ phiếu quỹ được phân ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm cả giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Năm 2014, Công ty chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 20% (tính trên số lượng nhân với mệnh giá của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành), trong đó 15% trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2013, tương ứng với số tiền 2.142.450.000 VND, 5% từ trích từ quỹ đầu tư phát triển, tương ứng với số tiền 714.150.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2014/NQ-ĐHCĐ/HBD ngày 08/4/2014 và Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 90.000.000 VND theo Biên bản họp Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngày 27/12/2014.

### 4.7 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay và lãi đặt cọc tiền hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.8 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 4.9 Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty là các khoản phải trả người bán.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**4.10 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Công ty Cổ phần Bao bì PP, Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch và Công ty có chung các thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, Công ty Cổ phần Bao bì PP và Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch được coi là các bên liên quan của Công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị (Chủ tịch, Ủy viên) và Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc), các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 24. Công ty chưa trình bày thông tin với các bên liên quan là các cá nhân trong Hội đồng quản trị (Chủ tịch, Ủy viên) và Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc), các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	42.521.013	137.160.279
Tiền gửi ngân hàng	599.314.694	223.484.861
Các khoản tương đương tiền	-	3.945.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>641.835.707</u></b>	<b><u>4.305.645.140</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.639.270.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.639.270.000</u></b>	<b><u>9.000.000.000</u></b>

(\*) Số dư tại 31/12/2014 bao gồm một số khoản có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng là 600.000.000 VND.

001  
TY  
HỮU H  
OÁN  
ANH  
ĐNC  
P.H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	-	795.242.612
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh	157.500.000	176.750.000
Lãi cho vay Công ty TNHH MTV AAB	-	48.999.999
Lãi đặt cọc tiền hàng Công ty Cổ phần Bao bì PP	-	45.555.556
Phải thu khác	7.461.106	25.467.069
<b>Cộng</b>	<b>164.961.106</b>	<b>1.092.015.236</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	438.160.940	617.372.656
Công cụ, dụng cụ	-	58.722.050
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	487.983.516	-
Thành phẩm	3	3
<b>Cộng</b>	<b>926.144.459</b>	<b>676.094.709</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	11.808.069.173	596.817.990	34.509.091	12.439.396.254
Tăng trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	10.816.694.254	-	-	10.816.694.254
Tại ngày 31/12/2014	991.374.919	596.817.990	34.509.091	1.622.702.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	11.681.904.542	596.817.990	18.404.847	12.297.127.379
Khấu hao trong năm	126.164.631	-	5.751.516	131.916.147
Thanh lý, nhượng bán	10.816.694.254	-	-	10.816.694.254
Tại ngày 31/12/2014	991.374.919	596.817.990	24.156.363	1.612.349.272
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	126.164.631	-	16.104.244	142.268.875
Tại ngày 31/12/2014	-	-	10.352.728	10.352.728

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2014 là 1.588.192.909 VND (tại 31/12/2013 là 12.409.656.497 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.873.182.720	3.355.441.291	6.228.624.011
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	2.873.182.720	3.355.441.291	6.228.624.011
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.752.978.787	887.442.925	2.640.421.712
Khấu hao trong năm	124.467.104	77.732.229	202.199.333
Tại ngày 31/12/2014	1.877.445.891	965.175.154	2.842.621.045
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.120.203.933	2.467.998.366	3.588.202.299
Tại ngày 31/12/2014	995.736.829	2.390.266.137	3.386.002.966

Bất động sản đầu tư là toàn bộ chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng 4.823 m<sup>2</sup> đất tại Lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/8/2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 261 QSDĐ/2002 cấp ngày 06/9/2002 và giá trị mặt bằng nhà xưởng được Công ty cho thuê theo Biên bản hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26/3/2013.

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh (1)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV AAB (2)	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>

(1) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 24/5/2013, Công ty đầu tư vốn góp vào Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh là 3.000.000.000 VND, thời gian góp vốn là 36 tháng kể từ ngày 13/6/2013. Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh phải trả lợi nhuận 10,5%/năm trên tổng số vốn góp. Lợi nhuận góp vốn của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương sẽ được Công ty Cổ phần Hóa chất Bình Minh thanh toán làm 03 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng. Vốn góp sẽ được thanh toán một lần khi đáo hạn.

(2) Theo Hợp đồng góp vốn ngày 13/11/2013 về việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV AAB, số tiền 4.000.000.000 VND, thời hạn góp vốn là 36 tháng kể từ ngày 20/11/2013, Công ty TNHH MTV AAB phải trả cho Công ty lợi nhuận là 10,5%/năm trên số vốn góp. ~~Vốn góp và~~ lợi nhuận góp vốn của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương sẽ được Công ty TNHH MTV AAB thanh toán vào ngày 20/11/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế gia trị gia tăng	223.647.705	156.656.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp	405.674.708	221.719.991
<b>Cộng</b>	<b>629.322.413</b>	<b>378.376.761</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.938.283	7.938.283
Các khoản phải trả khác	(21.129.284)	-
<b>Cộng</b>	<b>(13.191.001)</b>	<b>7.938.283</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	15.350.000.000	(1.499.786.780)	3.708.935.761	1.001.179.071	2.266.051.327
Tăng trong năm trước	-	-	123.601.327	-	3.011.926.645
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	3.084.711.511
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>15.350.000.000</b>	<b>(1.499.786.780)</b>	<b>3.832.537.088</b>	<b>1.001.179.071</b>	<b>2.193.266.461</b>
Số dư đầu năm nay	15.350.000.000	(1.499.786.780)	3.832.537.088	1.001.179.071	2.193.266.461
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	5.821.529.065
Giảm trong năm nay	-	-	714.150.000	-	2.232.450.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>15.350.000.000</b>	<b>(1.499.786.780)</b>	<b>3.118.387.088</b>	<b>1.001.179.071</b>	<b>5.782.345.526</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	106.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>106.700</i>	<i>106.700</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.428.300
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.428.300</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</b>	<b>2.193.266.461</b>	<b>2.266.051.327</b>
Tăng trong năm	5.821.529.065	2.193.266.461
<i>Lợi nhuận trong năm</i>	<i>5.821.529.065</i>	<i>2.193.266.461</i>
Giảm trong năm	2.232.450.000	2.266.051.327
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>90.000.000</i>	<i>123.601.327</i>
<i>Chia cổ tức</i>	<i>2.142.450.000</i>	<i>2.142.450.000</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>5.782.345.526</b>	<b>2.193.266.461</b>

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	318.328.600	941.139.805
Doanh thu bán thành phẩm	4.398.350.000	14.322.939.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.436.287.882	674.834.160
<b>Cộng</b>	<b>8.152.966.482</b>	<b>15.938.913.205</b>

DUYỆT  
 CHỨC  
 KIỂM  
 VIÊN  
 CHỈ  
 TÀI  
 BÁN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	311.762.567	906.187.332
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.797.140.152	12.718.725.334
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	939.150.574	50.549.834
<b>Cộng</b>	<b>5.048.053.293</b>	<b>13.675.462.500</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	307.055.879	1.237.472.354
Lãi tiền cho vay	733.833.001	225.749.999
Lãi đặt cọc tiền hàng	200.000.000	45.555.556
<b>Cộng</b>	<b>1.240.888.880</b>	<b>1.508.777.909</b>

**19. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.569.000.000	-
Thu khác	-	8.203.411
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.569.000.000</b>	<b>8.203.411</b>
Phạt vi phạm hành chính	-	13.995.065
Phạt chậm nộp thuế	2.500.000	-
Chi khác	-	23.454.546
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.500.000</b>	<b>37.449.611</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.566.500.000</b>	<b>(29.246.200)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	7.277.536.331	2.927.903.637
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	2.500.000	10.645.065
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	2.500.000	10.645.065
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	7.280.036.331	2.938.548.702
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (5)	20%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (6)=(4)*(5)</b>	<b>1.456.007.266</b>	<b>734.637.176</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.053.398.635	9.667.365.062
Chi phí nhân công	381.298.358	465.788.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.115.480	339.100.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.090.227.507	690.324.018
<b>Cộng</b>	<b>5.859.039.980</b>	<b>11.162.577.802</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.821.529.065	2.193.266.461
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	5.821.529.065	2.193.266.461
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	1.428.300	1.428.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)</b>	<b>4.076</b>	<b>1.536</b>

**23. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2014 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**24. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Bao bì PP</b>		
Phải trả người bán	1.874.046.638	4.975.498.463
Tiền đặt cọc mua hàng	2.000.000.000	2.000.000.000
Lãi khoản đặt cọc phải thu	-	45.555.556
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch</b>		
Phải thu khách hàng	-	407.474.197
Phải trả người bán	417.768.807	626.945.584
	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch với các bên liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bao bì PP</b>		
Bán hàng hóa	306.900.000	736.968.386
Bán tài sản cố định	3.177.900.000	-
Mua hàng hóa	4.133.348.175	6.888.482.810
Trả tiền mua hàng	3.550.000.000	7.500.000.000
Bù trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán	306.900.000	736.968.386
Bù trừ công nợ phải thu tiền bán tài sản với phải trả người bán	3.177.900.000	-
Bù trừ công nợ phải trả người bán với lãi đặt cọc tiền hàng	200.000.000	-
Lãi đặt cọc tiền hàng	200.000.000	45.555.556
Thu lãi đặt cọc tiền hàng	45.555.556	-
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch</b>		
Bán hàng	43.261.460	399.859.064
Mua hàng	346.867.144	1.104.521.143
Trả tiền mua hàng	105.308.264	-
Bù trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán	450.735.657	-

**25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận sản xuất các sản phẩm bao bì, bộ phận cho thuê nhà xưởng và bộ phận bán vật tư, hàng hóa. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**Năm 2014**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014**

Đơn vị tính: VND

	Bao bì	Thuê kho	Vật tư, hàng hóa	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				29.002.111.355
<b>Cộng</b>				<b>29.002.111.355</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				5.249.986.450
<b>Cộng</b>				<b>5.249.986.450</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

Đơn vị tính: VND

	Bao bì	Thuê kho	Vật tư, hàng hóa	Cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.398.350.000	3.436.287.882	318.328.600	8.152.966.482
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.398.350.000</b>	<b>3.436.287.882</b>	<b>318.328.600</b>	<b>8.152.966.482</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn hàng bán	3.797.140.152	939.150.574	311.762.567	5.048.053.293
Chi phí không phân bổ				634.765.738
Doanh thu hoạt động tài chính				1.240.888.880
Chi phí tài chính				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.711.036.331
Lãi (lỗ) khác				3.566.500.000
Lợi nhuận trước thuế				7.277.536.331
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.456.007.266
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>5.821.529.065</b>

Ghi chú: chi phí và lợi nhuận không tập hợp được theo từng bộ phận kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**Năm 2013**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

	Bao bì	Thuê kho	Vật tư, hàng hóa	Cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				29.909.250.290
<b>Cộng</b>				<b>29.909.250.290</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				9.032.054.450
<b>Cộng</b>				<b>9.032.054.450</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013**

Đơn vị tính: VND

	Bao bì	Thuê kho	Vật tư, hàng hóa	Cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14.322.939.240	674.834.160	941.139.805	15.938.913.205
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>14.322.939.240</b>	<b>674.834.160</b>	<b>941.139.805</b>	<b>15.938.913.205</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn hàng bán	12.718.725.334	50.549.834	906.187.332	13.675.462.500
Chi phí không phân bổ				815.078.777
Doanh thu hoạt động tài chính				1.508.777.909
Chi phí tài chính				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.957.149.837
Lãi (lỗ) khác				(29.246.200)
Lợi nhuận trước thuế				2.927.903.637
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				734.637.176
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>2.193.266.461</b>

Ghi chú: chi phí và lợi nhuận không tập hợp được theo từng bộ phận kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu, chi phí, kết quả, tài sản và nợ phải trả của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi khu vực địa lý.

05  
 CQ  
 KIE  
 VII  
 CH  
 HA  
 BA

100  
 CQ  
 CH  
 HA  
 BA



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.9.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	641.835.707	4.305.645.140
Tiền gửi có kỳ hạn	13.639.270.000	9.000.000.000
Phải thu khách hàng	1.887.468.329	1.887.468.329
Các khoản cho vay	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu khác	164.961.106	1.074.009.272
<b>Cộng</b>	<b>23.333.535.142</b>	<b>23.267.122.741</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	2.392.109.945	6.270.040.724
<b>Cộng</b>	<b>2.392.109.945</b>	<b>6.270.040.724</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do hoạt động kinh doanh của Công ty không phát sinh nhiều các giao dịch bằng ngoại tệ và tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không còn các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DN

- *Rủi ro lãi suất*

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Quá hạn trên 01 năm đến 02 năm	-	211.846.250
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	21.460.000	69.037.882
<b>Cộng</b>	<b>21.460.000</b>	<b>280.884.132</b>

Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
<b>Tại 31/12/2014</b>		
Phải trả người bán	2.392.109.945	-
<b>Cộng</b>	<b>2.392.109.945</b>	-
<b>Tại 01/01/2014</b>		
Phải trả người bán	6.270.040.724	-
<b>Cộng</b>	<b>6.270.040.724</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Ngày 08/4/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định mua từ 150.000 đến 200.000 cổ phiếu quỹ bằng nguồn vốn tự có của Công ty. Thời gian thực hiện từ 20/4/2014 đến 25/4/2015.

Ngày 26/12/2014, Hội đồng quản trị thông qua việc từ ngày 01/01/2015, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng sản xuất tại Lô 89, Đường số 6, KCN Sóng Thần I, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

Người lập biểu

**Mai Thị Thanh Hà**

Kế toán trưởng

**Mai Thị Thanh Hà**

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2015

**Giám đốc điều hành**



**Trương Xuân Cảnh**



